

DANH SÁCH SINH VIÊN
ĐƯỢC CÔNG NHẬN VÀ CẤP CHỨNG NHẬN ĐẠT CHUẨN ĐẦU RA TIẾNG ANH NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số: 632/QĐ-ĐHTG ngày 21 tháng 8 năm 2026 của Trường Đại học Tiền Giang)

Stt	MSSV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	HT ĐT	Ngành đào tạo	Mã lớp	Điểm kiểm tra (Thang điểm 10)				Điểm TBC 4 kỹ năng
								Nghe hiểu	Đọc hiểu	Viết	Nói	
I. KHOA KINH TẾ - LUẬT (257 sinh viên)												
1	023152006	Huỳnh Nguyễn Minh Thư	20-04-2005	Nữ	CQ	Du lịch	DHDL23A	5,5	9,0	8,5	4,0	7,0
2	023152007	Trần Ngọc Bích	12-08-2005	Nữ	CQ	Du lịch	DHDL23A	4,5	7,5	8,0	4,5	6,0
3	023152009	Phạm Ái My	23-08-2005	Nữ	CQ	Du lịch	DHDL23A	4,0	8,0	8,0	4,0	6,0
4	023152010	Phan Ngọc Như Quỳnh	24-09-2005	Nữ	CQ	Du lịch	DHDL23A	5,0	6,5	6,5	6,5	6,0
5	023152011	Nguyễn Ngọc Quỳnh Như	16-10-2005	Nữ	CQ	Du lịch	DHDL23A	3,5	6,0	5,0	7,0	5,5
6	023152013	Sầm Nguyễn Yến Linh	15-12-2001	Nữ	CQ	Du lịch	DHDL23A	4,5	8,0	7,5	7,5	7,0
7	023152018	Nguyễn Thị Quỳnh Như	09-10-2005	Nữ	CQ	Du lịch	DHDL23A	4,5	5,5	7,5	6,5	6,0
8	023152027	Nguyễn Thái Khanh	07-11-2005	Nữ	CQ	Du lịch	DHDL23A	4,0	7,5	7,0	8,0	6,5
9	023152033	Nguyễn Trần Mỹ Phương	18-11-2003	Nữ	CQ	Du lịch	DHDL23A	5,0	9,5	7,5	1,5	6,0
10	023152034	Lê Thị Tuyết Ngân	09-07-2003	Nữ	CQ	Du lịch	DHDL23A	4,5	9,5	6,0	3,0	6,0
11	023152036	Phạm Anh Thư	26-01-2005	Nữ	CQ	Du lịch	DHDL23B	5,0	6,5	7,0	3,5	5,5
12	023152037	Nguyễn Thị Huỳnh Phương	22-02-2005	Nữ	CQ	Du lịch	DHDL23B	2,5	7,0	5,5	5,5	5,0
13	023152042	Nguyễn Minh Vũ	22-02-2000	Nam	CQ	Du lịch	DHDL23B	2,0	10,0	9,0	4,5	6,5

Stt	MSSV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	HT ĐT	Ngành đào tạo	Mã lớp	Điểm kiểm tra (Thang điểm 10)				Điểm TBC 4 kỹ năng
								Nghe hiểu	Đọc hiểu	Viết	Nói	
14	023152045	Phạm Hoài Nam	09-10-2004	Nam	CQ	Du lịch	DHDL23B	4,5	8,5	7,5	7,0	7,0
15	023152046	Nguyễn Hoàng Huy	23-09-2004	Nam	CQ	Du lịch	DHDL23B	6,5	7,0	4,0	3,0	5,0
16	023152049	Bùi Nguyễn Minh Tuấn	01-02-2004	Nam	CQ	Du lịch	DHDL23B	9,5	8,5	7,5	8,0	8,5
17	023102001	Lê Trung Hậu	18-07-2005	Nam	CQ	Kế toán	DHKTO23A	8,5	9,0	4,0	6,0	7,0
18	023102002	Trần Thị Anh Thư	21-11-2005	Nữ	CQ	Kế toán	DHKTO23A	9,0	10,0	3,5	6,0	7,0
19	023102010	Bùi Ngọc Linh	21-06-2005	Nữ	CQ	Kế toán	DHKTO23A	9,0	10,0	6,5	7,5	8,5
20	023102016	Dương Kim Hương	26-04-2005	Nữ	CQ	Kế toán	DHKTO23A	9,0	10,0	8,0	7,5	8,5
21	023102025	Cao Phục Thành	01-10-2005	Nam	CQ	Kế toán	DHKTO23A	9,5	10,0	8,0	5,5	8,5
22	023102032	Phan Thị Ngọc Huyền	31-05-2005	Nữ	CQ	Kế toán	DHKTO23A	9,5	10,0	9,5	8,0	9,5
23	023102046	Trương Phi Thúy	01-02-2005	Nữ	CQ	Kế toán	DHKTO23A	8,5	10,0	9,5	7,0	9,0
24	023102048	Nguyễn Thị Thuý Em	04-09-2005	Nữ	CQ	Kế toán	DHKTO23A	8,5	10,0	9,0	8,0	9,0
25	023102049	Trương Công Bảo	02-03-2005	Nam	CQ	Kế toán	DHKTO23A	8,5	10,0	10,0	8,0	9,0
26	023102057	Võ Thị Thanh Ngân	04-02-2005	Nữ	CQ	Kế toán	DHKTO23B	7,0	6,0	6,0	4,5	6,0
27	023102059	Nguyễn Thị Tường Vy	03-11-2005	Nữ	CQ	Kế toán	DHKTO23B	7,5	8,5	10,0	1,5	7,0
28	023102067	Đỗ Thị Ngọc Trâm	09-10-2005	Nữ	CQ	Kế toán	DHKTO23B	8,0	6,5	4,5	6,0	6,5
29	023102071	Trương Ngọc Yến Trinh	20-09-2005	Nữ	CQ	Kế toán	DHKTO23B	6,5	5,5	4,5	2,5	5,0
30	023102072	Ngô Ngọc An Thy	09-04-2005	Nữ	CQ	Kế toán	DHKTO23B	7,5	7,5	7,0	5,5	7,0
31	023102074	Nguyễn Ngọc Hoàng Yến	23-11-2004	Nữ	CQ	Kế toán	DHKTO23B	5,5	7,5	6,5	7,0	6,5
32	023102075	Trịnh Thị Thu Trang	20-01-2005	Nữ	CQ	Kế toán	DHKTO23B	9,0	6,5	5,0	5,5	6,5

Stt	MSSV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	HT ĐT	Ngành đào tạo	Mã lớp	Điểm kiểm tra (Thang điểm 10)				Điểm TBC 4 kỹ năng
								Nghe hiểu	Đọc hiểu	Viết	Nói	
33	023102076	Lê Ngọc Phương Quyên	02-09-2005	Nữ	CQ	Kế toán	DHKTO23B	9,5	8,5	7,0	2,5	7,0
34	023102077	Đoàn Nguyễn Yên Nhi	20-09-2005	Nữ	CQ	Kế toán	DHKTO23B	9,0	9,0	6,5	7,5	8,0
35	023102078	Đoàn Nguyễn Yên Như	20-09-2005	Nữ	CQ	Kế toán	DHKTO23B	8,0	6,5	5,0	6,5	6,5
36	023102080	Võ Thị Phương Duyên	05-09-2004	Nữ	CQ	Kế toán	DHKTO23B	8,5	7,0	9,0	4,5	7,5
37	023102081	Nguyễn Ngọc Minh Thơ	11-09-2005	Nữ	CQ	Kế toán	DHKTO23B	9,0	6,0	9,5	3,0	7,0
38	023102082	Trần Phan Xuân Mai	23-05-2005	Nữ	CQ	Kế toán	DHKTO23B	9,0	10,0	9,5	10,0	9,5
39	023102089	Lê Thị Kim Ngân	11-09-1999	Nữ	CQ	Kế toán	DHKTO23B	5,0	8,0	1,0	5,0	5,0
40	023102092	Phan Thị Vàng	19-09-2005	Nữ	CQ	Kế toán	DHKTO23B	9,0	8,0	7,5	2,0	6,5
41	023102093	Dương Thị Huyền Trân	08-06-2005	Nữ	CQ	Kế toán	DHKTO23B	9,0	6,5	5,5	3,5	6,0
42	023102097	Đoàn Dương Mai Khanh	16-06-2004	Nữ	CQ	Kế toán	DHKTO23B	7,0	5,5	7,0	4,0	6,0
43	023102103	Thái Mỹ Tâm	19-07-2002	Nữ	CQ	Kế toán	DHKTO23B	9,0	5,5	4,5	6,0	6,5
44	023102109	Đặng Thị Mến	22-09-2005	Nữ	CQ	Kế toán	DHKTO23B	8,5	6,5	8,5	1,5	6,5
45	024102009	Phùng Thị Kim Ngân	20-03-2006	Nữ	CQ	Kế toán	DHKTO24A	4,5	8,5	9,0	7,5	7,5
46	024102023	Trần Ngọc Tuyền	17-08-2006	Nữ	CQ	Kế toán	DHKTO24A	9,0	7,0	10,0	4,5	7,5
47	024102027	Nguyễn Phước Sang	26-07-2006	Nam	CQ	Kế toán	DHKTO24A	8,5	7,0	8,5	6,5	7,5
48	024102052	Nguyễn Hoàng Ân	10-07-2006	Nam	CQ	Kế toán	DHKTO24B	6,5	8,0	0,5	3,5	4,5
49	024102054	Bùi Minh Vy	03-08-2006	Nữ	CQ	Kế toán	DHKTO24B	7,5	7,5	0,5	3,5	5,0
50	024102056	Nguyễn Huỳnh Diễm Uyên	28-07-2006	Nữ	CQ	Kế toán	DHKTO24B	7,0	7,5	6,5	3,5	6,0
51	024102066	Đặng Thị Minh Châu	08-09-2006	Nữ	CQ	Kế toán	DHKTO24B	8,5	8,5	9,0	6,5	8,0

Stt	MSSV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	HT ĐT	Ngành đào tạo	Mã lớp	Điểm kiểm tra (Thang điểm 10)				Điểm TBC 4 kỹ năng
								Nghe hiểu	Đọc hiểu	Viết	Nói	
52	024102067	Bùi Tuấn Khanh	22-12-2005	Nam	CQ	Kế toán	DHKTO24B	9,0	9,5	9,5	9,0	9,5
53	024102075	Nguyễn Vy	30-06-2006	Nữ	CQ	Kế toán	DHKTO24B	7,5	7,5	6,5	4,0	6,5
54	024102078	Đông Văn Tài	12-06-2006	Nam	CQ	Kế toán	DHKTO24B	8,5	9,5	9,5	3,0	7,5
55	024102081	Trần Minh Thư	06-06-2006	Nữ	CQ	Kế toán	DHKTO24B	8,5	8,5	7,0	8,0	8,0
56	024102083	Đặng Tuấn Thành	16-09-2006	Nam	CQ	Kế toán	DHKTO24B	9,0	7,5	9,0	3,0	7,0
57	024102087	Nguyễn Thị Kim Phụng	29-08-2003	Nữ	CQ	Kế toán	DHKTO24B	8,5	8,5	9,0	8,0	8,5
58	024102088	Nguyễn Đỗ Nhật Lan	27-04-2006	Nữ	CQ	Kế toán	DHKTO24B	5,0	8,5	10,0	8,5	8,0
59	024102090	Nguyễn Hoàng Việt	22-06-2006	Nam	CQ	Kế toán	DHKTO24B	8,5	5,5	7,5	4,5	6,5
60	024102091	Trương Phương Yến	26-08-2006	Nữ	CQ	Kế toán	DHKTO24C	8,5	8,0	7,0	8,0	8,0
61	024102094	Phan Thị Phương Dung	13-08-2002	Nữ	CQ	Kế toán	DHKTO24C	9,0	7,5	9,5	7,0	8,5
62	024102100	Võ Phương Mai	29-08-2006	Nữ	CQ	Kế toán	DHKTO24C	7,5	8,0	5,5	7,5	7,0
63	024102101	Nguyễn Văn Tiền	28-07-2005	Nam	CQ	Kế toán	DHKTO24C	9,0	7,5	9,0	8,0	8,5
64	024102102	Nguyễn Thị Ngọc Hân	04-10-2006	Nữ	CQ	Kế toán	DHKTO24C	7,5	7,5	7,5	8,0	7,5
65	024102114	Nguyễn Tuấn Kiệt	27-08-2006	Nam	CQ	Kế toán	DHKTO24C	7,0	9,5	8,0	4,0	7,0
66	024102124	Trương Thị Yến Thư	27-08-2006	Nữ	CQ	Kế toán	DHKTO24C	9,5	10,0	10,0	2,0	8,0
67	024102125	Lê Hồng Soan	18-09-2006	Nữ	CQ	Kế toán	DHKTO24C	9,0	9,5	8,0	4,0	7,5
68	024102126	Nguyễn Thành Nghĩa	14-04-2006	Nam	CQ	Kế toán	DHKTO24C	9,0	7,5	9,5	7,5	8,5
69	024202001	Nguyễn Thị Hồng Nhung	22-02-1987	Nữ	VLVH	Kế toán	DHVLVHKTO24	5,5	5,0	8,0	6,5	6,5
70	024202002	Nguyễn Thị Thanh Trinh	20-04-1990	Nữ	VLVH	Kế toán	DHVLVHKTO24	7,0	7,5	9,5	1,0	6,5

Stt	MSSV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	HT ĐT	Ngành đào tạo	Mã lớp	Điểm kiểm tra (Thang điểm 10)				Điểm TBC 4 kỹ năng
								Nghe hiểu	Đọc hiểu	Viết	Nói	
71	024202003	Lê Thị Anh Thư	03-12-1988	Nữ	VLVH	Kế toán	DHVLVHKTO24	7,0	9,0	9,0	7,5	8,0
72	024202004	Trần Minh Hạnh	26-11-1988	Nam	VLVH	Kế toán	DHVLVHKTO24	7,0	8,0	5,5	5,5	6,5
73	024202005	Trương Quốc Huy	31-07-1994	Nam	VLVH	Kế toán	DHVLVHKTO24	6,5	8,0	9,0	7,5	8,0
74	024202006	Hồ Thụy Thùy Trang	23-07-2003	Nữ	VLVH	Kế toán	DHVLVHKTO24	6,0	7,5	9,5	6,0	7,5
75	024202007	Nguyễn Thị Ý Duy	02-02-1993	Nữ	VLVH	Kế toán	DHVLVHKTO24	6,5	8,0	9,0	6,0	7,5
76	024202008	Phan Thị Bích Tuyền	28-08-1995	Nữ	VLVH	Kế toán	DHVLVHKTO24	7,5	9,0	6,5	2,5	6,5
77	024202009	Võ Phương Hồng Thủy	15-03-1992	Nữ	VLVH	Kế toán	DHVLVHKTO24	6,5	3,0	8,0	2,0	5,0
78	024202010	Đoàn Thị Hồng Nhung	25-12-1995	Nữ	VLVH	Kế toán	DHVLVHKTO24	7,0	8,0	7,5	7,0	7,5
79	024202011	Trần Thị Cẩm Tiên	01-09-1997	Nữ	VLVH	Kế toán	DHVLVHKTO24	8,5	8,5	8,5	9,0	8,5
80	024202012	Trần Huỳnh Vân Thanh	14-02-2001	Nữ	VLVH	Kế toán	DHVLVHKTO24	7,5	8,5	8,5	7,0	8,0
81	024202014	Nguyễn Thị Như Huỳnh	30-04-1996	Nữ	VLVH	Kế toán	DHVLVHKTO24	6,5	6,0	8,5	8,5	7,5
82	024202016	Nguyễn Thị Thu Hà	17-08-1996	Nữ	VLVH	Kế toán	DHVLVHKTO24	7,0	7,0	9,0	2,5	6,5
83	024202017	Huỳnh Thị Thu Hằng	05-08-1993	Nữ	VLVH	Kế toán	DHVLVHKTO24	8,0	9,5	8,0	6,5	8,0
84	024202019	Nguyễn Thị Ngọc Kiều	16-01-1989	Nữ	VLVH	Kế toán	DHVLVHKTO24	6,5	7,5	9,0	3,0	6,5
85	024202020	Nguyễn Thị Tuyết Linh	13-07-1994	Nữ	VLVH	Kế toán	DHVLVHKTO24	7,0	8,5	5,5	7,0	7,0
86	023150002	Nguyễn Hồng Ân	22-06-2005	Nam	CQ	Kinh tế	DHKTE23	5,0	8,5	6,5	5,0	6,5
87	023150005	Lê Thị Xuân Mai	25-09-2005	Nữ	CQ	Kinh tế	DHKTE23	5,0	8,0	7,5	5,0	6,5
88	023150006	Hứa Thị Ngọc Thy	25-11-2005	Nữ	CQ	Kinh tế	DHKTE23	3,5	7,0	4,0	5,0	5,0
89	023150007	Trần Ngọc Tuyết Nhi	14-11-2005	Nữ	CQ	Kinh tế	DHKTE23	4,0	7,0	7,5	6,5	6,5

Stt	MSSV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	HT ĐT	Ngành đào tạo	Mã lớp	Điểm kiểm tra (Thang điểm 10)				Điểm TBC 4 kỹ năng
								Nghe hiểu	Đọc hiểu	Viết	Nói	
90	023150012	Trần Võ Hồng Ân	21-06-2005	Nam	CQ	Kinh tế	DHKTE23	7,0	8,0	6,5	7,5	7,5
91	023150013	Nguyễn Thị Phương Trâm	15-09-2005	Nữ	CQ	Kinh tế	DHKTE23	6,5	6,5	9,0	5,0	7,0
92	023150035	Phan Kiều Trúc Linh	23-06-2005	Nữ	CQ	Kinh tế	DHKTE23	6,0	8,0	8,0	4,0	6,5
93	023150038	Phạm Tường Huy	14-06-2005	Nam	CQ	Kinh tế	DHKTE23	6,5	6,5	7,5	4,5	6,5
94	023150047	Bùi Thị Cẩm Giang	24-06-2005	Nữ	CQ	Kinh tế	DHKTE23	5,5	6,5	3,5	7,0	5,5
95	023150049	Đỗ Quang Vinh	22-02-2003	Nam	CQ	Kinh tế	DHKTE23	5,5	6,0	5,5	5,5	5,5
96	024150004	Cao Thị Kim Quyên	16-10-2006	Nữ	CQ	Kinh tế	DHKTE24	9,0	10,0	4,0	5,5	7,0
97	024150007	Nguyễn Thuận Phát	19-01-2005	Nam	CQ	Kinh tế	DHKTE24	9,0	10,0	9,0	8,5	9,0
98	024150008	Lê Ý Thuận Thảo	05-03-1995	Nữ	CQ	Kinh tế	DHKTE24	6,0	8,5	8,0	8,5	8,0
99	024150013	Trần Thị Thuý Nga	01-04-2006	Nữ	CQ	Kinh tế	DHKTE24	5,5	6,0	4,5	6,5	5,5
100	024150015	Phạm Tiến Dũng	21-04-2006	Nam	CQ	Kinh tế	DHKTE24	9,0	4,0	9,0	9,0	8,0
101	024150016	Huỳnh Thị Yến Ngân	16-11-2006	Nữ	CQ	Kinh tế	DHKTE24	9,0	10,0	6,5	9,0	8,5
102	024150022	Bùi Quang Huy	24-05-2005	Nam	CQ	Kinh tế	DHKTE24	7,5	8,5	7,0	7,5	7,5
103	024150031	Phan Thị Anh Thư	31-10-2006	Nữ	CQ	Kinh tế	DHKTE24	9,0	9,0	7,0	9,0	8,5
104	024150036	Nguyễn Thụy Phương Quyên	18-05-2006	Nữ	CQ	Kinh tế	DHKTE24	6,5	8,5	6,0	8,5	7,5
105	024150041	Nguyễn Đặng Mỹ Duyên	09-12-2006	Nữ	CQ	Kinh tế	DHKTE24	9,0	8,5	4,0	6,5	7,0
106	024150048	Huỳnh Tiến Mạnh	03-05-2004	Nam	CQ	Kinh tế	DHKTE24	8,0	8,5	5,5	10,0	8,0
107	023154001	Huỳnh Thị Thu Hương	15-11-2005	Nữ	CQ	Luật	DHL23A	3,0	5,5	5,0	3,0	4,0
108	023154004	Mai Bùi Linh Đan	20-08-2005	Nữ	CQ	Luật	DHL23A	3,5	8,0	5,0	2,5	5,0

Stt	MSSV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	HT ĐT	Ngành đào tạo	Mã lớp	Điểm kiểm tra (Thang điểm 10)				Điểm TBC 4 kỹ năng
								Nghe hiểu	Đọc hiểu	Viết	Nói	
109	023154009	Nguyễn Thị Phương Hà	01-11-2005	Nữ	CQ	Luật	DHL23A	5,0	9,0	9,0	3,0	6,5
110	023154012	Thái Thị Minh Thư	21-06-2005	Nữ	CQ	Luật	DHL23A	5,0	9,0	9,0	2,0	6,5
111	023154016	Đặng Thị Mỹ Linh	02-01-2005	Nữ	CQ	Luật	DHL23A	5,5	9,0	7,5	1,0	6,0
112	023154017	Nguyễn Thị Trúc Nhi	24-09-2004	Nữ	CQ	Luật	DHL23A	5,0	9,5	8,5	4,0	7,0
113	023154022	Cao Nguyễn Ánh Hồng	25-02-2005	Nữ	CQ	Luật	DHL23A	5,0	9,0	9,0	2,5	6,5
114	023154025	Phạm Tiến Đạt	26-08-2005	Nam	CQ	Luật	DHL23A	5,0	9,0	9,0	2,5	6,5
115	023154027	Nguyễn Công Len	29-04-2005	Nam	CQ	Luật	DHL23A	5,0	5,0	8,0	0,5	4,5
116	023154029	Nguyễn Thành Trung	26-03-2005	Nam	CQ	Luật	DHL23A	5,0	9,0	3,0	2,5	5,0
117	023154036	Hồng Thị Diễm Trinh	15-11-2005	Nữ	CQ	Luật	DHL23A	4,5	10,0	7,0	1,5	6,0
118	023154038	Phạm Lê Phúc Hậu	17-11-2005	Nam	CQ	Luật	DHL23A	3,5	7,0	5,5	1,5	4,5
119	023154041	Diệp Trần Quế Anh	08-03-2005	Nữ	CQ	Luật	DHL23A	4,5	9,0	8,5	5,5	7,0
120	023154043	Nguyễn Tâm Như	09-10-2005	Nữ	CQ	Luật	DHL23A	6,0	6,0	7,0	1,0	5,0
121	023154051	Trần Nhựt Anh Thư	25-09-2005	Nữ	CQ	Luật	DHL23A	7,5	8,0	9,5	6,0	8,0
122	023154055	Nguyễn Minh Trí	13-08-2005	Nam	CQ	Luật	DHL23A	7,0	7,5	8,5	2,5	6,5
123	023154056	Phạm Nhật Trường	25-11-2005	Nam	CQ	Luật	DHL23A	7,0	8,5	4,0	3,5	6,0
124	023154057	Nguyễn Tuấn Kiệt	09-12-2005	Nam	CQ	Luật	DHL23A	6,0	8,0	7,5	4,5	6,5
125	023154058	Huỳnh Khánh Ngọc	06-04-2005	Nữ	CQ	Luật	DHL23A	5,5	6,0	6,5	2,0	5,0
126	023154059	Nguyễn Hồ Thanh Quyên	21-02-2005	Nữ	CQ	Luật	DHL23A	5,0	7,5	7,0	3,5	6,0
127	023154060	Lê Thị Mỹ Duyên	07-01-2005	Nữ	CQ	Luật	DHL23A	3,0	7,0	4,0	2,5	4,0

Stt	MSSV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	HT ĐT	Ngành đào tạo	Mã lớp	Điểm kiểm tra (Thang điểm 10)				Điểm TBC 4 kỹ năng
								Nghe hiểu	Đọc hiểu	Viết	Nói	
128	023154068	Nguyễn Thị Thảo Vy	18-03-2005	Nữ	CQ	Luật	DHL23B	2,5	4,0	8,5	1,0	4,0
129	023154070	Phạm Ngọc Cẩm Hằng	01-03-2005	Nữ	CQ	Luật	DHL23B	3,5	10,0	10,0	8,0	8,0
130	023154073	Nguyễn Lê Thành Nguyên	14-08-2005	Nam	CQ	Luật	DHL23B	3,5	8,0	7,5	9,5	7,0
131	023154081	Nguyễn Tấn Đạt	15-12-2005	Nam	CQ	Luật	DHL23B	3,5	9,0	9,5	7,0	7,5
132	023154082	Nguyễn Ngọc Quỳnh Anh	18-04-2005	Nữ	CQ	Luật	DHL23B	5,5	8,5	9,0	9,0	8,0
133	023154085	Nguyễn Phú Thành	01-06-2004	Nam	CQ	Luật	DHL23B	3,0	9,0	8,5	5,0	6,5
134	023154086	Nguyễn Thị Cẩm Tiên	29-05-2005	Nữ	CQ	Luật	DHL23B	2,0	9,0	9,5	8,0	7,0
135	023154088	Võ Trần Đăng Khoa	02-03-2005	Nam	CQ	Luật	DHL23B	3,0	8,5	8,0	5,0	6,0
136	023154090	Đoàn Minh Chánh	05-03-2005	Nam	CQ	Luật	DHL23B	7,0	9,5	9,0	7,0	8,0
137	023154096	Nguyễn Bảo Linh	10-12-2005	Nữ	CQ	Luật	DHL23B	6,0	8,0	2,5	7,0	6,0
138	023154098	Lê Trương Cẩm Tú	30-07-2005	Nữ	CQ	Luật	DHL23B	2,5	8,5	2,0	6,0	5,0
139	023154099	Huỳnh Thị Thùy Tiên	01-01-2005	Nữ	CQ	Luật	DHL23B	3,0	9,0	8,0	9,0	7,5
140	023154101	Nguyễn Mai Linh	07-06-2005	Nữ	CQ	Luật	DHL23B	3,5	8,5	8,0	2,0	5,5
141	023154106	Nguyễn Hồ Thanh Trúc	25-09-2005	Nữ	CQ	Luật	DHL23B	3,0	9,0	5,5	8,0	6,5
142	023154116	Đoàn Khả Nhi	05-12-2005	Nữ	CQ	Luật	DHL23B	3,5	8,5	5,5	6,5	6,0
143	023154120	Lê Thị Thảo Như	02-09-2005	Nữ	CQ	Luật	DHL23B	3,5	8,5	8,5	8,0	7,0
144	023154122	Nguyễn Thị Ngọc Diệu	15-03-1998	Nữ	CQ	Luật	DHL23B	4,5	5,5	3,5	3,0	4,0
145	024154062	Trần Thị Phương Thảo	22-03-2006	Nữ	CQ	Luật	DHLUAT24B	4,5	6,5	3,5	6,0	5,0
146	024154090	Võ Quốc Bảo	26-02-2003	Nam	CQ	Luật	DHLUAT24B	5,5	9,5	7,5	6,0	7,0

Stt	MSSV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	HT ĐT	Ngành đào tạo	Mã lớp	Điểm kiểm tra (Thang điểm 10)				Điểm TBC 4 kỹ năng
								Nghe hiểu	Đọc hiểu	Viết	Nói	
147	024154092	Trần Nhĩ Kha	11-12-2001	Nam	CQ	Luật	DHLUAT24B	3,5	8,0	2,0	7,0	5,0
148	024154095	Nguyễn Hoàng Lai	02-11-2006	Nam	CQ	Luật	DHLUAT24B	4,0	7,5	4,5	8,0	6,0
149	024254001	Lê Thuận Điền	09-10-1987	Nam	VLVH	Luật	DHVLVHLUAT24	8,5	9,0	8,0	6,5	8,0
150	024254002	Ngô Ngọc Quý	25-08-1992	Nữ	VLVH	Luật	DHVLVHLUAT24	9,0	9,0	8,5	6,5	8,5
151	024254004	Lê Thị Kim Ngân	05-08-1982	Nữ	VLVH	Luật	DHVLVHLUAT24	8,5	8,5	6,0	4,0	7,0
152	024254006	Đoàn Nhật Nam	18-06-2001	Nam	VLVH	Luật	DHVLVHLUAT24	10,0	8,5	6,5	10,0	9,0
153	024254007	Nguyễn Thị Mai Trinh	30-04-1996	Nữ	VLVH	Luật	DHVLVHLUAT24	6,5	6,5	1,5	6,0	5,0
154	024254008	Nguyễn Tiểu Lam	07-01-1989	Nữ	VLVH	Luật	DHVLVHLUAT24	8,0	7,0	4,5	8,0	7,0
155	024254009	Nguyễn Thị Trúc Linh	02-08-2001	Nữ	VLVH	Luật	DHVLVHLUAT24	7,5	7,0	4,0	1,5	5,0
156	024254014	Phan Quốc Việt	28-10-1990	Nam	VLVH	Luật	DHVLVHLUAT24	6,5	8,0	5,5	7,0	7,0
157	024254015	Trần Huỳnh Yến Nhi	23-10-1993	Nữ	VLVH	Luật	DHVLVHLUAT24	7,5	7,0	3,0	6,0	6,0
158	024254016	Nguyễn Thị Ngọc Linh	11-12-1992	Nữ	VLVH	Luật	DHVLVHLUAT24	7,0	8,0	7,0	4,0	6,5
159	024254018	Nguyễn Thị Thuỳ Dương	19-06-1983	Nữ	VLVH	Luật	DHVLVHLUAT24	7,0	8,5	9,0	2,0	6,5
160	024254019	Đỗ Thị Hồng Thắm	17-10-1983	Nữ	VLVH	Luật	DHVLVHLUAT24	9,0	8,5	5,5	1,0	6,0
161	024254021	Lý Thị Cẩm Tiên	14-02-1998	Nữ	VLVH	Luật	DHVLVHLUAT24	9,0	8,5	4,0	2,0	6,0
162	024254022	Võ Thị Thúy An	12-02-1991	Nữ	VLVH	Luật	DHVLVHLUAT24	9,5	9,5	9,5	8,5	9,5
163	024254023	Nguyễn Thị Ngọc Yến	01-08-1986	Nữ	VLVH	Luật	DHVLVHLUAT24	8,5	8,0	8,0	1,0	6,5
164	024254024	Nguyễn Thị Nguyệt	10-01-1988	Nữ	VLVH	Luật	DHVLVHLUAT24	9,5	8,0	5,5	6,0	7,5
165	024254025	Lương Như Thơ	08-06-1985	Nữ	VLVH	Luật	DHVLVHLUAT24	7,5	8,0	8,5	3,5	7,0

Stt	MSSV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	HT ĐT	Ngành đào tạo	Mã lớp	Điểm kiểm tra (Thang điểm 10)				Điểm TBC 4 kỹ năng
								Nghe hiểu	Đọc hiểu	Viết	Nói	
166	024254026	Đoàn Huỳnh Cúc	22-05-1985	Nữ	VLVH	Luật	DHVLVHLUAT24	7,5	7,5	9,0	6,0	7,5
167	024254028	Phan Thị Xuân Yên	10-02-2000	Nữ	VLVH	Luật	DHVLVHLUAT24	6,0	7,5	9,0	5,5	7,0
168	024254029	Lê Thị Kim Thu	30-03-1997	Nữ	VLVH	Luật	DHVLVHLUAT24	7,5	8,0	9,0	4,5	7,5
169	024254030	Nguyễn Thanh Sang	21-11-1995	Nam	VLVH	Luật	DHVLVHLUAT24	7,0	7,0	4,0	6,5	6,0
170	024254031	Nguyễn Phúc Đạt	27-02-1999	Nam	VLVH	Luật	DHVLVHLUAT24	7,0	8,5	8,5	8,5	8,0
171	024254032	Phạm Quốc Cường	25-10-1993	Nam	VLVH	Luật	DHVLVHLUAT24	7,0	7,0	3,5	2,0	5,0
172	024254033	Huỳnh Ngọc Nhân	18-08-1979	Nam	VLVH	Luật	DHVLVHLUAT24	5,5	9,5	1,5	4,5	5,5
173	024254034	Nguyễn Thị Hồng Nga	11-07-1988	Nữ	VLVH	Luật	DHVLVHLUAT24	6,0	7,0	3,5	6,5	6,0
174	024254036	Lê Nguyễn Phương Duy	23-09-2001	Nam	VLVH	Luật	DHVLVHLUAT24	7,0	8,5	5,5	6,5	7,0
175	024254037	Hồ Hữu Thoại	17-07-1978	Nam	VLVH	Luật	DHVLVHLUAT24	6,5	8,0	3,0	1,0	4,5
176	024254039	Nguyễn Thành Luân	24-03-1990	Nam	VLVH	Luật	DHVLVHLUAT24	2,5	8,0	4,5	6,0	5,5
177	023115005	Hồ Thị Thảo Nguyên	04-03-2005	Nữ	CQ	Quản trị kinh doanh	DHQTKD23A	3,5	5,5	3,0	7,0	5,0
178	023115006	Trần Thị Hồng Thắm	15-11-2005	Nữ	CQ	Quản trị kinh doanh	DHQTKD23A	7,5	6,0	4,5	6,0	6,0
179	023115009	Võ Thị Xuân Lộc	29-12-2005	Nữ	CQ	Quản trị kinh doanh	DHQTKD23A	8,5	7,0	8,5	3,0	7,0
180	023115010	Nguyễn Thị Ngọc Lài	28-08-2005	Nữ	CQ	Quản trị kinh doanh	DHQTKD23A	8,0	6,5	8,5	7,0	7,5
181	023115011	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	05-10-2005	Nữ	CQ	Quản trị kinh doanh	DHQTKD23A	5,5	7,0	9,5	4,5	6,5
182	023115015	Phạm Nguyễn Thảo Như	09-03-2005	Nữ	CQ	Quản trị kinh doanh	DHQTKD23A	4,0	6,0	2,5	4,0	4,0
183	023115017	Nguyễn Yến Vy	15-06-2005	Nữ	CQ	Quản trị kinh doanh	DHQTKD23A	5,5	7,0	5,5	8,5	6,5
184	023115023	Phan Thành Lộc	14-04-2005	Nam	CQ	Quản trị kinh doanh	DHQTKD23A	7,0	7,5	7,5	8,5	7,5

Stt	MSSV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	HT ĐT	Ngành đào tạo	Mã lớp	Điểm kiểm tra (Thang điểm 10)				Điểm TBC 4 kỹ năng
								Nghe hiểu	Đọc hiểu	Viết	Nói	
185	023115024	Nguyễn Thùy Trang	25-07-2005	Nữ	CQ	Quản trị kinh doanh	DHQTKD23A	8,0	9,5	8,5	5,0	8,0
186	023115026	Nguyễn Thị Cẩm Hằng	24-03-2005	Nữ	CQ	Quản trị kinh doanh	DHQTKD23A	3,5	7,5	7,5	6,5	6,5
187	023115027	Nguyễn Thị Ngọc Phượng	22-11-2005	Nữ	CQ	Quản trị kinh doanh	DHQTKD23A	5,5	7,0	8,5	4,5	6,5
188	023115028	Vương Thành Công	10-04-2005	Nam	CQ	Quản trị kinh doanh	DHQTKD23A	6,5	6,5	9,0	7,0	7,5
189	023115029	Đặng Thị Tuyết Mai	29-06-2005	Nữ	CQ	Quản trị kinh doanh	DHQTKD23A	9,0	9,0	2,5	4,0	6,0
190	023115030	Trần Minh Tân	28-08-2005	Nam	CQ	Quản trị kinh doanh	DHQTKD23A	6,5	6,5	7,5	5,0	6,5
191	023115034	Hồ Nguyễn Minh Thư	05-08-2005	Nữ	CQ	Quản trị kinh doanh	DHQTKD23A	6,0	6,5	8,0	6,0	6,5
192	023115036	Nguyễn Thị Cẩm Như	26-09-2005	Nữ	CQ	Quản trị kinh doanh	DHQTKD23A	6,0	6,0	6,5	8,5	7,0
193	023115038	Lưu Hoàng Phúc	26-05-2005	Nam	CQ	Quản trị kinh doanh	DHQTKD23A	5,5	7,0	3,0	5,5	5,5
194	023115043	Phạm Ngọc Mộng Tuyền	12-08-2005	Nữ	CQ	Quản trị kinh doanh	DHQTKD23A	5,5	5,5	8,0	6,0	6,5
195	023115045	Thái Thành Vinh	27-09-2005	Nam	CQ	Quản trị kinh doanh	DHQTKD23A	9,0	8,0	8,0	7,5	8,0
196	023115047	Phạm Trần Phương Mai	05-11-2005	Nữ	CQ	Quản trị kinh doanh	DHQTKD23A	7,5	8,0	9,0	7,5	8,0
197	023115049	Nguyễn Thị Thanh Thủy	21-09-2005	Nữ	CQ	Quản trị kinh doanh	DHQTKD23A	8,5	7,5	8,0	7,0	8,0
198	023115059	Tổng Thị Hồng Hương	20-01-2005	Nữ	CQ	Quản trị kinh doanh	DHQTKD23B	3,0	7,0	4,0	3,0	4,5
199	023115061	Nguyễn Trần Cẩm Nhung	16-02-2005	Nữ	CQ	Quản trị kinh doanh	DHQTKD23B	5,0	9,5	4,0	7,5	6,5
200	023115064	Phạm Thị Thảo Trang	07-08-2005	Nữ	CQ	Quản trị kinh doanh	DHQTKD23B	2,5	6,5	9,5	3,0	5,5
201	023115065	Nguyễn Thị Diễm Trinh	19-01-2005	Nữ	CQ	Quản trị kinh doanh	DHQTKD23B	4,0	6,5	6,5	3,0	5,0
202	023115070	Trần Gia Bảo	04-10-2005	Nam	CQ	Quản trị kinh doanh	DHQTKD23B	3,5	6,5	5,0	6,0	5,5
203	023115071	Hà Thị Thúy An	12-03-2005	Nữ	CQ	Quản trị kinh doanh	DHQTKD23B	8,5	7,5	7,0	5,5	7,0

Stt	MSSV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	HT ĐT	Ngành đào tạo	Mã lớp	Điểm kiểm tra (Thang điểm 10)				Điểm TBC 4 kỹ năng
								Nghe hiểu	Đọc hiểu	Viết	Nói	
204	023115073	Nguyễn Thị Ngọc Thi	06-03-2005	Nữ	CQ	Quản trị kinh doanh	DHQTKD23B	4,0	8,5	9,5	9,0	8,0
205	023115074	Huỳnh Thị Minh Thư	27-01-2005	Nữ	CQ	Quản trị kinh doanh	DHQTKD23B	8,5	7,5	4,0	7,5	7,0
206	023115075	Lê Thị Hương Trà	25-09-2005	Nữ	CQ	Quản trị kinh doanh	DHQTKD23B	9,0	8,0	10,0	7,5	8,5
207	023115076	Trương Quốc Thái	29-06-2005	Nam	CQ	Quản trị kinh doanh	DHQTKD23B	5,5	7,0	5,5	7,0	6,5
208	023115078	Dương Thị Thu Trang	27-01-2005	Nữ	CQ	Quản trị kinh doanh	DHQTKD23B	3,5	6,5	4,0	3,0	4,5
209	023115079	Huỳnh Thị Thanh Tuyền	31-12-2005	Nữ	CQ	Quản trị kinh doanh	DHQTKD23B	4,5	6,0	5,0	3,5	5,0
210	023115080	Trần Thị Cẩm Vân	15-12-2005	Nữ	CQ	Quản trị kinh doanh	DHQTKD23B	3,0	6,0	7,0	4,5	5,0
211	023115081	Nguyễn Ngọc Nam	20-05-2004	Nam	CQ	Quản trị kinh doanh	DHQTKD23B	4,5	8,0	9,5	7,5	7,5
212	023115082	Bùi Thị Huế Trân	10-05-2005	Nữ	CQ	Quản trị kinh doanh	DHQTKD23B	4,5	6,5	8,5	5,5	6,5
213	023115086	Võ Cát Băng Trâm	27-04-2005	Nữ	CQ	Quản trị kinh doanh	DHQTKD23B	5,0	6,5	3,5	6,0	5,5
214	023115088	Nguyễn Thị Vân Khánh	03-12-2005	Nữ	CQ	Quản trị kinh doanh	DHQTKD23B	4,5	7,0	4,0	5,0	5,0
215	023115089	Bùi Thành Nguyên	22-12-2002	Nam	CQ	Quản trị kinh doanh	DHQTKD23B	3,0	7,5	3,0	5,5	5,0
216	023115093	Trần Ngọc Kiều Quyên	28-10-2005	Nữ	CQ	Quản trị kinh doanh	DHQTKD23B	3,5	7,0	2,5	5,5	4,5
217	023115097	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	27-10-2005	Nữ	CQ	Quản trị kinh doanh	DHQTKD23B	7,0	6,0	3,0	3,5	5,0
218	023115100	Huỳnh Ngọc Mai Thy	25-12-2005	Nữ	CQ	Quản trị kinh doanh	DHQTKD23B	7,5	6,5	4,0	3,0	5,5
219	023115104	Lê Thị Thanh Hậu	22-10-2005	Nữ	CQ	Quản trị kinh doanh	DHQTKD23B	5,5	7,5	5,0	4,5	5,5
220	023115105	Nguyễn Thảo Vy	15-09-2005	Nữ	CQ	Quản trị kinh doanh	DHQTKD23B	4,0	8,0	2,0	7,0	5,5
221	023148001	Lê Thị Hồng Quyên	19-12-2005	Nữ	CQ	Tài chính - Ngân hàng	DHTCNH23A	8,5	4,5	1,0	6,0	5,0
222	023148002	Lâm Thành Trọng	15-07-2005	Nam	CQ	Tài chính - Ngân hàng	DHTCNH23A	5,5	8,0	2,0	6,0	5,5

Stt	MSSV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	HT ĐT	Ngành đào tạo	Mã lớp	Điểm kiểm tra (Thang điểm 10)				Điểm TBC 4 kỹ năng
								Nghe hiểu	Đọc hiểu	Viết	Nói	
223	023148003	Lê Huỳnh Bích Ngọc	02-07-2005	Nữ	CQ	Tài chính - Ngân hàng	DHTCNH23A	5,0	7,0	8,0	8,0	7,0
224	023148004	Trương Phúc Hậu	22-03-2005	Nam	CQ	Tài chính - Ngân hàng	DHTCNH23A	4,5	8,5	8,0	2,0	6,0
225	023148006	Đoàn Ngọc Tiên	01-03-2005	Nữ	CQ	Tài chính - Ngân hàng	DHTCNH23A	5,0	10,0	6,0	1,5	5,5
226	023148007	Trần Thị Ngọc Diễm	17-08-2005	Nữ	CQ	Tài chính - Ngân hàng	DHTCNH23A	5,5	9,5	7,0	2,0	6,0
227	023148008	Ngô Nguyễn Thanh Duyên	03-07-2005	Nữ	CQ	Tài chính - Ngân hàng	DHTCNH23A	7,0	8,5	8,5	7,5	8,0
228	023148009	Vũ Anh Kiệt	09-10-2005	Nam	CQ	Tài chính - Ngân hàng	DHTCNH23A	5,0	9,0	2,5	3,5	5,0
229	023148010	Bùi Thị Ngọc Hân	25-01-2005	Nữ	CQ	Tài chính - Ngân hàng	DHTCNH23A	5,0	9,5	7,0	2,0	6,0
230	023148013	Nguyễn Vũ Quốc Huy	24-04-2005	Nam	CQ	Tài chính - Ngân hàng	DHTCNH23A	3,5	6,5	3,0	4,0	4,5
231	023148014	Nguyễn Thị Cẩm Bình	03-07-2005	Nữ	CQ	Tài chính - Ngân hàng	DHTCNH23A	6,5	9,0	5,5	2,0	6,0
232	023148015	Nguyễn Huỳnh Như	11-10-2005	Nữ	CQ	Tài chính - Ngân hàng	DHTCNH23A	6,0	9,5	7,5	2,0	6,5
233	023148016	Nguyễn Yến Trinh	26-10-2005	Nữ	CQ	Tài chính - Ngân hàng	DHTCNH23A	5,5	10,0	7,0	3,0	6,5
234	023148017	Trần Thị Bé Thuý	08-04-2005	Nữ	CQ	Tài chính - Ngân hàng	DHTCNH23A	5,5	9,5	7,5	2,5	6,5
235	023148020	Nguyễn Thị Thoảng	02-07-2005	Nữ	CQ	Tài chính - Ngân hàng	DHTCNH23A	5,5	10,0	9,0	3,5	7,0
236	023148021	Lê Hoàng Thanh Huy	28-08-2005	Nam	CQ	Tài chính - Ngân hàng	DHTCNH23A	6,0	9,0	4,5	5,5	6,5
237	023148022	Huỳnh Lưu Thu Mị	12-07-2005	Nữ	CQ	Tài chính - Ngân hàng	DHTCNH23A	9,0	8,5	8,5	7,5	8,5
238	023148023	Nguyễn Ngọc Như Ý	19-08-2005	Nữ	CQ	Tài chính - Ngân hàng	DHTCNH23A	5,5	6,5	4,0	7,0	6,0
239	023148025	Trần Thị Phi Nhung	29-05-2005	Nữ	CQ	Tài chính - Ngân hàng	DHTCNH23A	8,5	7,5	7,5	4,5	7,0
240	023148026	Võ Khánh Mai	09-10-2005	Nữ	CQ	Tài chính - Ngân hàng	DHTCNH23A	8,0	8,0	0,5	3,5	5,0
241	023148028	Trương Ngọc Nhi	19-01-2005	Nữ	CQ	Tài chính - Ngân hàng	DHTCNH23A	5,5	6,5	6,0	7,0	6,5

Stt	MSSV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	HT ĐT	Ngành đào tạo	Mã lớp	Điểm kiểm tra (Thang điểm 10)				Điểm TBC 4 kỹ năng
								Nghe hiểu	Đọc hiểu	Viết	Nói	
242	023148029	Nguyễn Minh Khải	23-09-2005	Nam	CQ	Tài chính - Ngân hàng	DHTCNH23A	6,5	10,0	7,0	5,0	7,0
243	023148030	Trần Ngọc Phương Trâm	03-06-2005	Nữ	CQ	Tài chính - Ngân hàng	DHTCNH23A	5,5	10,0	8,0	8,5	8,0
244	023148032	Hoàng Thị Phương Thảo	30-05-2005	Nữ	CQ	Tài chính - Ngân hàng	DHTCNH23A	6,5	8,5	4,0	8,0	7,0
245	023148034	Phạm Hoàng Long	21-11-2005	Nam	CQ	Tài chính - Ngân hàng	DHTCNH23A	7,0	9,5	6,5	3,0	6,5
246	023148042	Trần Nguyễn Ngọc Ngân	29-01-2005	Nữ	CQ	Tài chính - Ngân hàng	DHTCNH23B	5,0	7,0	5,5	5,5	6,0
247	023148048	Ngô Thanh Hoàng	31-08-2005	Nam	CQ	Tài chính - Ngân hàng	DHTCNH23B	5,5	8,5	4,0	3,5	5,5
248	023148050	Lê Thị Diễm My	02-11-2005	Nữ	CQ	Tài chính - Ngân hàng	DHTCNH23B	4,5	9,0	8,0	4,5	6,5
249	023148052	Đặng Thành Hiếu	10-03-2005	Nam	CQ	Tài chính - Ngân hàng	DHTCNH23B	5,5	8,5	8,5	7,0	7,5
250	023148055	Nguyễn Ngọc Như Ý	07-09-2005	Nữ	CQ	Tài chính - Ngân hàng	DHTCNH23B	3,0	7,0	8,5	2,0	5,0
251	023148057	Lý Ngọc Hồ	15-06-2005	Nam	CQ	Tài chính - Ngân hàng	DHTCNH23B	6,5	9,0	6,5	8,0	7,5
252	023148058	Nguyễn Thị Cẩm Nhung	21-08-2005	Nữ	CQ	Tài chính - Ngân hàng	DHTCNH23B	5,0	5,0	9,0	3,0	5,5
253	023148059	Nguyễn Hoàng Phong	09-09-2005	Nam	CQ	Tài chính - Ngân hàng	DHTCNH23B	7,0	9,5	3,5	1,0	5,5
254	023148064	Võ Thị Tường Vy	11-09-2005	Nữ	CQ	Tài chính - Ngân hàng	DHTCNH23B	6,0	8,5	3,5	7,0	6,5
255	023148068	Nguyễn Ngọc Thanh Thúy	12-11-2005	Nữ	CQ	Tài chính - Ngân hàng	DHTCNH23B	6,5	8,0	8,5	8,5	8,0
256	023148069	Võ Nguyễn Anh Thư	04-02-2005	Nữ	CQ	Tài chính - Ngân hàng	DHTCNH23B	8,5	7,5	8,0	3,5	7,0
257	023148071	Ngô Hoàng Giang	14-03-2005	Nam	CQ	Tài chính - Ngân hàng	DHTCNH23B	8,5	8,5	7,0	3,5	7,0

II. KHOA KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ (110 sinh viên)

1	023146001	Phan Tấn Minh Thái	01-01-2005	Nam	CQ	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	DHCNKTCDT23	9,5	9,5	6,0	4,5	7,5
2	023146004	Mạc Tuấn Khoa	13-04-2003	Nam	CQ	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	DHCNKTCDT23	6,5	5,0	3,5	2,0	4,5

Stt	MSSV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	HT ĐT	Ngành đào tạo	Mã lớp	Điểm kiểm tra (Thang điểm 10)				Điểm TBC 4 kỹ năng
								Nghe hiểu	Đọc hiểu	Viết	Nói	
3	023146011	Cao Hoàng Thái	29-03-2005	Nam	CQ	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	DHCNKTCDT23	5,0	9,5	7,5	5,0	7,0
4	023146012	Nguyễn Tôn Nhật Tân	25-07-2005	Nam	CQ	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	DHCNKTCDT23	5,0	8,0	6,5	1,0	5,0
5	023146013	Dương Hoàng Đăng Khoa	24-08-2005	Nam	CQ	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	DHCNKTCDT23	5,5	7,0	3,0	5,5	5,5
6	023146014	Nguyễn Minh Thuận	19-11-2005	Nam	CQ	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	DHCNKTCDT23	9,0	8,5	6,0	5,0	7,0
7	024146001	Nguyễn Cao Thành Phát	06-11-2006	Nam	CQ	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	DHCNKTCDT24	5,0	8,5	6,0	9,0	7,0
8	024146016	Võ Hoàng Phi	03-01-2006	Nam	CQ	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	DHCNKTCDT24	7,0	8,0	3,5	2,0	5,0
9	024146019	Trương Ngọc Hoàng Tú	21-07-2003	Nam	CQ	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	DHCNKTCDT24	8,5	10,0	6,5	9,5	8,5
10	024146025	Lê Nguyễn Lâm Nhựt	08-05-2006	Nam	CQ	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	DHCNKTCDT24	7,5	8,0	6,0	1,5	6,0
11	024146027	Hồ Lâm Phi	17-08-2006	Nam	CQ	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	DHCNKTCDT24	7,5	8,0	6,0	2,0	6,0
12	024146028	Nguyễn Nhung Nhưõng	24-10-2006	Nam	CQ	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	DHCNKTCDT24	5,5	8,0	5,0	2,0	5,0
13	024146030	Nguyễn Nhật Hưng	01-02-2002	Nam	CQ	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	DHCNKTCDT24	4,5	8,0	4,0	3,5	5,0
14	023137001	Nguyễn Hoàng Kha	23-12-2005	Nam	CQ	Công nghệ Kỹ thuật Cơ khí	DHCNKTCK23A	9,5	9,5	7,0	2,5	7,0
15	023137003	Nguyễn Thanh Phúc	22-01-2005	Nam	CQ	Công nghệ Kỹ thuật Cơ khí	DHCNKTCK23A	9,5	8,5	5,5	1,5	6,5
16	023137004	Nguyễn Tấn Thành	09-09-2005	Nam	CQ	Công nghệ Kỹ thuật Cơ khí	DHCNKTCK23A	9,5	9,5	7,5	3,0	7,5
17	023137005	Nguyễn Phúc Lập	29-06-2005	Nam	CQ	Công nghệ Kỹ thuật Cơ khí	DHCNKTCK23A	9,0	9,0	5,0	0,5	6,0
18	023137007	Trương Phúc Tín	14-02-2005	Nam	CQ	Công nghệ Kỹ thuật Cơ khí	DHCNKTCK23A	9,5	9,5	2,5	5,0	6,5
19	023137011	Phan Thanh Chí Thiện	21-12-2005	Nam	CQ	Công nghệ Kỹ thuật Cơ khí	DHCNKTCK23A	10,0	9,0	5,0	1,0	6,5

Stt	MSSV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	HT ĐT	Ngành đào tạo	Mã lớp	Điểm kiểm tra (Thang điểm 10)				Điểm TBC 4 kỹ năng
								Nghe hiểu	Đọc hiểu	Viết	Nói	
20	023137012	Nguyễn Minh Trí	22-09-2005	Nam	CQ	Công nghệ Kỹ thuật Cơ khí	DHCNKTCK23A	9,5	10,0	4,5	5,0	7,5
21	023137013	Nguyễn Phúc Bảo	27-08-2005	Nam	CQ	Công nghệ Kỹ thuật Cơ khí	DHCNKTCK23A	9,0	10,0	3,5	0,5	6,0
22	023137016	Nguyễn Thành Long	26-10-2005	Nam	CQ	Công nghệ Kỹ thuật Cơ khí	DHCNKTCK23A	9,0	10,0	7,5	6,5	8,5
23	023137017	Hoàng Minh Thiện	18-02-2005	Nam	CQ	Công nghệ Kỹ thuật Cơ khí	DHCNKTCK23A	7,5	9,5	5,0	1,5	6,0
24	023137021	Huỳnh Khánh Qui	19-06-2005	Nam	CQ	Công nghệ Kỹ thuật Cơ khí	DHCNKTCK23A	8,5	10,0	3,5	6,5	7,0
25	023137022	Nguyễn Nhật Tân	28-04-2005	Nam	CQ	Công nghệ Kỹ thuật Cơ khí	DHCNKTCK23A	9,5	9,5	6,0	2,0	7,0
26	023137028	Lê Trần Hữu Vinh	16-05-2005	Nam	CQ	Công nghệ Kỹ thuật Cơ khí	DHCNKTCK23A	9,5	9,5	8,0	6,0	8,5
27	023137039	Nguyễn Thanh Sơn	21-07-2005	Nam	CQ	Công nghệ Kỹ thuật Cơ khí	DHCNKTCK23B	9,0	9,5	3,5	1,5	6,0
28	023137040	Nguyễn Minh Luân	18-04-2005	Nam	CQ	Công nghệ Kỹ thuật Cơ khí	DHCNKTCK23B	9,5	9,5	4,0	4,5	7,0
29	023137047	Huỳnh Văn Khánh Tín	04-12-2005	Nam	CQ	Công nghệ Kỹ thuật Cơ khí	DHCNKTCK23B	9,0	8,5	3,0	3,0	6,0
30	023137050	Phạm Minh Khoa	05-01-2005	Nam	CQ	Công nghệ Kỹ thuật Cơ khí	DHCNKTCK23B	9,0	9,5	6,0	5,0	7,5
31	023137054	Lê Thanh Phong	30-01-2005	Nam	CQ	Công nghệ Kỹ thuật Cơ khí	DHCNKTCK23B	9,0	8,0	6,0	1,5	6,0
32	023137057	Lê Ngọc Phúc Hưng	11-01-2005	Nam	CQ	Công nghệ Kỹ thuật Cơ khí	DHCNKTCK23B	9,5	9,5	3,0	5,0	7,0
33	024137003	Nguyễn Văn Vũ	20-03-2006	Nam	CQ	Công nghệ Kỹ thuật Cơ khí	DHCNKTCK24	2,5	6,5	5,5	2,5	4,5
34	024137035	Đặng Minh Hiếu	29-10-2005	Nam	CQ	Công nghệ Kỹ thuật Cơ khí	DHCNKTCK24	3,5	6,5	4,5	6,0	5,0
35	023147003	Lê Khánh Duy	31-03-2005	Nam	CQ	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	DHCNKTDKTDH23	3,0	7,0	7,0	9,5	6,5

Stt	MSSV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	HT ĐT	Ngành đào tạo	Mã lớp	Điểm kiểm tra (Thang điểm 10)				Điểm TBC 4 kỹ năng
								Nghe hiểu	Đọc hiểu	Viết	Nói	
36	023147004	Nguyễn Văn Quý	16-05-2005	Nam	CQ	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	DHCNKTDKTDH23	5,0	8,0	7,5	2,0	5,5
37	023147009	Trần Lê Việt Khánh	24-04-2005	Nam	CQ	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	DHCNKTDKTDH23	3,0	6,0	6,0	5,5	5,0
38	023147010	Huỳnh Đăng Duy	21-03-2005	Nam	CQ	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	DHCNKTDKTDH23	4,5	7,5	6,0	6,0	6,0
39	023147011	Dương Minh Diện	07-09-2005	Nam	CQ	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	DHCNKTDKTDH23	4,0	5,5	7,0	2,5	5,0
40	023109007	Huỳnh Trọng Phúc	20-09-2005	Nam	CQ	Công nghệ Kỹ thuật Xây dựng	DHCNKTXD23	3,0	2,5	8,5	3,0	4,5
41	023109008	Trần Mẫn Nam	16-06-2005	Nam	CQ	Công nghệ Kỹ thuật Xây dựng	DHCNKTXD23	8,0	5,0	8,5	2,0	6,0
42	023109009	Nguyễn Tấn Tài	12-10-2005	Nam	CQ	Công nghệ Kỹ thuật Xây dựng	DHCNKTXD23	5,0	5,5	8,5	4,5	6,0
43	023109010	Hồ Anh Tuấn	06-07-2005	Nam	CQ	Công nghệ Kỹ thuật Xây dựng	DHCNKTXD23	5,0	5,5	9,0	3,0	5,5
44	023109012	Nguyễn Lộc Thuận	14-03-2005	Nam	CQ	Công nghệ Kỹ thuật Xây dựng	DHCNKTXD23	3,5	9,5	1,0	4,5	4,5
45	023109014	Nguyễn Quốc Bảo	12-02-2004	Nam	CQ	Công nghệ Kỹ thuật Xây dựng	DHCNKTXD23	7,0	9,5	3,0	1,5	5,5
46	023109018	Bùi Trần Dữ Minh	13-06-2005	Nam	CQ	Công nghệ Kỹ thuật Xây dựng	DHCNKTXD23	7,5	9,5	7,0	4,5	7,0
47	023109019	Phạm Nguyên Khang	16-02-2005	Nam	CQ	Công nghệ Kỹ thuật Xây dựng	DHCNKTXD23	7,5	9,5	10,0	5,0	8,0
48	023109020	Ngô Trần Trung	28-05-2005	Nam	CQ	Công nghệ Kỹ thuật Xây dựng	DHCNKTXD23	7,5	9,5	9,5	4,0	7,5
49	023109025	Nguyễn Hoàng Ân	05-06-2005	Nam	CQ	Công nghệ Kỹ thuật Xây dựng	DHCNKTXD23	5,5	9,5	10,0	7,0	8,0
50	023109027	Huỳnh Trúc Tâm	24-01-2005	Nam	CQ	Công nghệ Kỹ thuật Xây dựng	DHCNKTXD23	7,5	9,5	10,0	4,0	8,0

Stt	MSSV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	HT ĐT	Ngành đào tạo	Mã lớp	Điểm kiểm tra (Thang điểm 10)				Điểm TBC 4 kỹ năng
								Nghe hiểu	Đọc hiểu	Viết	Nói	
51	024109003	Nguyễn Thành Nhân	21-12-2006	Nam	CQ	Công nghệ Kỹ thuật Xây dựng	DHCNKTXD24	6,5	7,0	5,5	5,0	6,0
52	023101001	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	27-03-2005	Nữ	CQ	Công nghệ Thông tin	DHCNTT23A	8,5	10,0	4,0	7,0	7,5
53	023101002	Trần Anh Khoa	12-09-2005	Nam	CQ	Công nghệ Thông tin	DHCNTT23A	8,5	10,0	10,0	9,0	9,5
54	023101003	Nguyễn Văn Trọng Phúc	31-01-2005	Nam	CQ	Công nghệ Thông tin	DHCNTT23A	7,5	10,0	8,0	7,5	8,5
55	023101005	Nguyễn Thanh Phong	10-03-2005	Nam	CQ	Công nghệ Thông tin	DHCNTT23A	8,5	9,5	7,5	9,0	8,5
56	023101006	Ngô Hữu Tính	04-12-2005	Nam	CQ	Công nghệ Thông tin	DHCNTT23A	9,0	10,0	8,5	5,0	8,0
57	023101007	Triệu Quốc Nam	20-04-2005	Nam	CQ	Công nghệ Thông tin	DHCNTT23A	8,5	10,0	9,5	5,5	8,5
58	023101009	Võ Quốc Khánh	01-09-2005	Nam	CQ	Công nghệ Thông tin	DHCNTT23A	7,5	10,0	9,5	7,5	8,5
59	023101010	Nguyễn Minh Khang	17-03-2005	Nam	CQ	Công nghệ Thông tin	DHCNTT23A	8,5	9,0	6,5	7,5	8,0
60	023101012	Nguyễn Phùng Hoàng Ngọc	10-11-2005	Nữ	CQ	Công nghệ Thông tin	DHCNTT23A	8,5	7,5	2,0	8,0	6,5
61	023101014	Nguyễn Hoàng Huy	30-12-2005	Nam	CQ	Công nghệ Thông tin	DHCNTT23A	5,0	7,0	8,5	5,0	6,5
62	023101015	Nguyễn Chí Đạt	05-09-2005	Nam	CQ	Công nghệ Thông tin	DHCNTT23A	8,5	9,5	9,5	4,0	8,0
63	023101016	Nguyễn Thịnh Bình	04-07-2005	Nam	CQ	Công nghệ Thông tin	DHCNTT23A	5,0	7,5	8,5	7,0	7,0
64	023101019	Nguyễn Ngọc Sơn	18-08-2005	Nam	CQ	Công nghệ Thông tin	DHCNTT23A	9,5	10,0	6,5	7,5	8,5
65	023101020	Nguyễn Anh Tuấn	19-03-2005	Nam	CQ	Công nghệ Thông tin	DHCNTT23A	8,5	8,5	8,5	5,0	7,5
66	023101021	Đỗ Chí Duy	03-11-2005	Nam	CQ	Công nghệ Thông tin	DHCNTT23A	8,5	9,5	7,0	9,0	8,5
67	023101022	Nguyễn Nhựt Liêm	01-05-2005	Nam	CQ	Công nghệ Thông tin	DHCNTT23A	7,5	9,0	3,0	8,5	7,0
68	023101023	Đoàn Minh Khánh	18-02-2005	Nam	CQ	Công nghệ Thông tin	DHCNTT23A	7,5	9,0	5,5	9,5	8,0
69	023101027	Nguyễn Trần Phương	23-08-2005	Nam	CQ	Công nghệ Thông tin	DHCNTT23A	3,5	7,0	8,5	2,5	5,5

Stt	MSSV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	HT ĐT	Ngành đào tạo	Mã lớp	Điểm kiểm tra (Thang điểm 10)				Điểm TBC 4 kỹ năng
								Nghe hiểu	Đọc hiểu	Viết	Nói	
70	023101028	Nguyễn Hữu Thắng	28-06-2005	Nam	CQ	Công nghệ Thông tin	DHCNTT23A	3,0	7,0	8,0	2,5	5,0
71	023101029	Đinh Văn Thái	25-03-2005	Nam	CQ	Công nghệ Thông tin	DHCNTT23A	8,0	10,0	1,0	1,0	5,0
72	023101030	Phạm Thế Ngọc	26-05-2005	Nam	CQ	Công nghệ Thông tin	DHCNTT23A	8,0	9,5	7,5	6,0	8,0
73	023101033	Nguyễn Ngọc Duyên	05-03-2005	Nữ	CQ	Công nghệ Thông tin	DHCNTT23A	7,5	7,5	5,0	6,5	6,5
74	023101034	Nguyễn Thị Thu Vân	15-05-2005	Nữ	CQ	Công nghệ Thông tin	DHCNTT23A	6,5	5,0	3,0	2,5	4,5
75	023101036	Nguyễn Cảnh Duy	01-01-2002	Nam	CQ	Công nghệ Thông tin	DHCNTT23A	4,5	10,0	4,5	5,5	6,0
76	023101038	Lê Thị Như Quỳnh	20-05-2005	Nữ	CQ	Công nghệ Thông tin	DHCNTT23A	2,5	5,5	6,5	6,0	5,0
77	023101039	Trần Minh Sĩ	15-06-2005	Nam	CQ	Công nghệ Thông tin	DHCNTT23A	9,0	9,5	5,0	4,5	7,0
78	023101040	Nguyễn Tấn Duy	24-10-2005	Nam	CQ	Công nghệ Thông tin	DHCNTT23A	6,5	6,5	6,0	3,5	5,5
79	023101041	Nguyễn Hoàng Anh	24-10-2005	Nam	CQ	Công nghệ Thông tin	DHCNTT23A	5,5	7,5	7,5	7,0	7,0
80	023101043	Nguyễn Thanh Quốc Bảo	01-09-2005	Nam	CQ	Công nghệ Thông tin	DHCNTT23A	6,5	7,5	9,0	6,0	7,5
81	023101044	Nguyễn Thanh Huy	21-11-2005	Nam	CQ	Công nghệ Thông tin	DHCNTT23A	7,0	10,0	7,0	0,5	6,0
82	023101047	Nguyễn Minh Kha	03-04-2005	Nam	CQ	Công nghệ Thông tin	DHCNTT23A	8,0	9,5	7,5	5,0	7,5
83	023101049	Nguyễn Hữu Tài	20-11-2005	Nam	CQ	Công nghệ Thông tin	DHCNTT23A	8,5	8,5	5,0	6,5	7,0
84	023101051	Phạm Tấn Phát	26-01-2005	Nam	CQ	Công nghệ Thông tin	DHCNTT23A	9,0	7,5	7,0	2,0	6,5
85	023101052	Hà Tấn Phát	20-11-2005	Nam	CQ	Công nghệ Thông tin	DHCNTT23A	8,5	8,5	6,0	3,0	6,5
86	023101053	Mai Ngọc Anh Đào	11-07-2005	Nữ	CQ	Công nghệ Thông tin	DHCNTT23A	4,5	10,0	8,5	7,0	7,5
87	023101057	Cao Phúc Thịnh	29-03-2005	Nam	CQ	Công nghệ Thông tin	DHCNTT23A	6,0	8,5	5,0	4,5	6,0
88	023101058	Nguyễn Văn Trục	26-07-2005	Nam	CQ	Công nghệ Thông tin	DHCNTT23A	8,0	10,0	8,0	7,0	8,5

Stt	MSSV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	HT ĐT	Ngành đào tạo	Mã lớp	Điểm kiểm tra (Thang điểm 10)				Điểm TBC 4 kỹ năng
								Nghe hiểu	Đọc hiểu	Viết	Nói	
89	023101061	Sử Phước Lộc	20-09-2004	Nam	CQ	Công nghệ Thông tin	DHCNTT23B	7,5	4,5	2,0	2,5	4,0
90	023101062	Phạm Nguyễn Phước Thanh	31-10-2005	Nữ	CQ	Công nghệ Thông tin	DHCNTT23B	8,5	7,0	3,5	4,5	6,0
91	023101063	Huỳnh Tấn Chương	03-09-2005	Nam	CQ	Công nghệ Thông tin	DHCNTT23B	7,0	9,0	8,5	8,0	8,0
92	023101064	Nguyễn Ngọc Trà	17-04-2005	Nữ	CQ	Công nghệ Thông tin	DHCNTT23B	6,5	10,0	6,0	7,0	7,5
93	023101065	Lê Thị Phương	14-04-2005	Nữ	CQ	Công nghệ Thông tin	DHCNTT23B	8,5	7,0	6,0	6,5	7,0
94	023101066	Võ Thị Huỳnh Như	02-01-2005	Nữ	CQ	Công nghệ Thông tin	DHCNTT23B	7,0	7,5	7,0	6,0	7,0
95	023101072	Phạm Tấn Phong	31-12-2005	Nam	CQ	Công nghệ Thông tin	DHCNTT23B	7,0	6,5	6,5	6,0	6,5
96	023101075	Nguyễn Quốc Toàn	29-05-2005	Nam	CQ	Công nghệ Thông tin	DHCNTT23B	7,0	6,0	3,5	0,5	4,5
97	023101076	Nguyễn Duy Khang	16-04-2005	Nam	CQ	Công nghệ Thông tin	DHCNTT23B	3,0	8,0	6,5	5,0	5,5
98	023101077	Nguyễn Minh Thiện	22-07-2005	Nam	CQ	Công nghệ Thông tin	DHCNTT23B	4,0	6,5	2,0	3,0	4,0
99	023101078	Ngô Tấn Phát	01-11-2005	Nam	CQ	Công nghệ Thông tin	DHCNTT23B	4,5	8,0	3,5	3,0	5,0
100	023101080	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	29-08-2005	Nữ	CQ	Công nghệ Thông tin	DHCNTT23B	6,5	8,0	6,5	5,5	6,5
101	023101100	Đoàn Thị Thanh Nhiên	15-06-2005	Nữ	CQ	Công nghệ Thông tin	DHCNTT23B	7,0	6,0	3,0	3,5	5,0
102	023101102	Trần Thị Hân	21-05-2005	Nữ	CQ	Công nghệ Thông tin	DHCNTT23B	9,0	7,0	8,5	4,5	7,5
103	023101103	Lưu Gia Hân	02-04-2005	Nữ	CQ	Công nghệ Thông tin	DHCNTT23B	7,0	6,5	2,5	4,5	5,0
104	023101105	Ngô Thị Huỳnh Như	22-01-2005	Nữ	CQ	Công nghệ Thông tin	DHCNTT23B	9,0	9,5	8,0	6,5	8,5
105	023101115	Nguyễn Thị Thu Thảo	02-03-2002	Nữ	CQ	Công nghệ Thông tin	DHCNTT23B	8,5	9,0	4,5	5,5	7,0
106	023101122	Lê Trọng Trường Duy	16-08-2005	Nam	CQ	Công nghệ Thông tin	DHCNTT23B	6,5	6,5	4,5	5,5	6,0
107	024101003	Lê Minh Trọng	14-02-2006	Nam	CQ	Công nghệ Thông tin	DHCNTT24A	4,0	8,0	7,5	6,5	6,5

Stt	MSSV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	HT ĐT	Ngành đào tạo	Mã lớp	Điểm kiểm tra (Thang điểm 10)				Điểm TBC 4 kỹ năng
								Nghe hiểu	Đọc hiểu	Viết	Nói	
108	024101015	Nguyễn Trọng Phú	08-10-2006	Nam	CQ	Công nghệ Thông tin	DHCNTT24A	6,0	9,5	9,5	7,5	8,0
109	024101019	Nguyễn Gia Đạt	12-10-2006	Nam	CQ	Công nghệ Thông tin	DHCNTT24A	6,5	9,5	8,0	8,5	8,0
110	024101076	Trần Quốc Vinh	20-10-2004	Nam	CQ	Công nghệ Thông tin	DHCNTT24B	6,0	9,0	4,0	6,5	6,5

III. KHOA NÔNG NGHIỆP VÀ CÔNG NGHỆ THỰC PHẨM (60 sinh viên)

1	023123002	Đoàn Minh Sơn	01-03-2005	Nam	CQ	Bảo vệ thực vật	DHBVTV23	7,5	8,5	7,0	3,0	6,5
2	023123003	Nguyễn Thị Mỹ Dung	17-02-2005	Nữ	CQ	Bảo vệ thực vật	DHBVTV23	6,0	10,0	9,5	3,5	7,5
3	023123005	Nguyễn Thanh Tài	28-01-2005	Nam	CQ	Bảo vệ thực vật	DHBVTV23	6,0	10,0	8,5	2,0	6,5
4	023123006	Ngô Tấn Đạt	11-05-2005	Nam	CQ	Bảo vệ thực vật	DHBVTV23	8,5	9,0	7,5	3,0	7,0
5	023123007	Nguyễn Hữu Kha	30-03-2005	Nam	CQ	Bảo vệ thực vật	DHBVTV23	7,5	9,5	9,0	5,5	8,0
6	023123008	Phạm Duy Khánh	14-04-2005	Nam	CQ	Bảo vệ thực vật	DHBVTV23	7,5	9,5	8,0	6,5	8,0
7	023123009	Phạm Yến Nhi	08-05-2005	Nữ	CQ	Bảo vệ thực vật	DHBVTV23	7,0	9,5	6,0	2,5	6,5
8	023123014	Lê Thị Thùy My	08-06-2005	Nữ	CQ	Bảo vệ thực vật	DHBVTV23	9,5	10,0	9,0	1,0	7,5
9	023123017	Lê Thị Thảo Ngân	28-02-2002	Nữ	CQ	Bảo vệ thực vật	DHBVTV23	8,5	9,5	6,5	1,0	6,5
10	023142004	Ngô Thị Ngọc Diễm	27-02-2005	Nữ	CQ	Công nghệ Sinh học	DHCNSH23	7,5	7,5	6,0	6,0	7,0
11	023142008	Đinh Hữu Đức	13-04-2002	Nam	CQ	Công nghệ Sinh học	DHCNSH23	6,5	5,0	6,5	3,0	5,5
12	023103007	Nguyễn Ngọc Gia Hân	29-05-2005	Nữ	CQ	Công nghệ Thực phẩm	DHCNTP23A	8,5	7,5	8,5	4,0	7,0
13	023103017	Nguyễn Ngọc Phương Thảo	07-05-2005	Nữ	CQ	Công nghệ Thực phẩm	DHCNTP23A	8,5	8,0	10,0	1,5	7,0
14	023103018	Phan Huỳnh Anh Khoa	30-11-2005	Nam	CQ	Công nghệ Thực phẩm	DHCNTP23A	8,5	10,0	10,0	0,5	7,5
15	023103026	Nguyễn Thị Phương Trang	01-10-2005	Nữ	CQ	Công nghệ Thực phẩm	DHCNTP23A	8,5	10,0	8,5	7,5	8,5

Stt	MSSV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	HT ĐT	Ngành đào tạo	Mã lớp	Điểm kiểm tra (Thang điểm 10)				Điểm TBC 4 kỹ năng
								Nghe hiểu	Đọc hiểu	Viết	Nói	
16	023103027	Nguyễn Thị Cẩm Tiên	14-11-2005	Nữ	CQ	Công nghệ Thực phẩm	DHCNTP23A	8,5	10,0	9,5	1,0	7,5
17	023103028	Trần Thị Hồng Diễm	05-08-2005	Nữ	CQ	Công nghệ Thực phẩm	DHCNTP23A	8,5	10,0	9,0	3,5	8,0
18	023103039	Nguyễn Thị Thuý Vy	15-06-2005	Nữ	CQ	Công nghệ Thực phẩm	DHCNTP23A	8,5	10,0	6,5	2,0	7,0
19	023103041	Nguyễn Lê Anh Huy	16-05-2005	Nam	CQ	Công nghệ Thực phẩm	DHCNTP23B	8,0	8,0	6,5	1,5	6,0
20	023103044	Bùi Thị Thanh Trúc	13-03-2005	Nữ	CQ	Công nghệ Thực phẩm	DHCNTP23B	8,5	10,0	4,0	1,5	6,0
21	023103047	Võ Thái Sơn	06-09-2005	Nam	CQ	Công nghệ Thực phẩm	DHCNTP23B	8,5	7,0	4,0	5,0	6,0
22	023103051	Nguyễn Thị Thùy Duyên	31-07-2005	Nữ	CQ	Công nghệ Thực phẩm	DHCNTP23B	8,0	8,0	8,0	8,0	8,0
23	023103052	Nguyễn Khánh Vy	30-03-2005	Nữ	CQ	Công nghệ Thực phẩm	DHCNTP23B	9,0	8,0	4,0	5,0	6,5
24	023103054	Nguyễn Thị Diễm Kiều	02-11-2005	Nữ	CQ	Công nghệ Thực phẩm	DHCNTP23B	9,5	7,0	4,0	2,5	6,0
25	023103056	Nguyễn Ngọc Gia Hân	29-10-2005	Nữ	CQ	Công nghệ Thực phẩm	DHCNTP23B	9,0	6,5	4,0	3,0	5,5
26	023103057	Lê Thị Tiến Quyên	11-05-2005	Nữ	CQ	Công nghệ Thực phẩm	DHCNTP23B	9,0	8,0	4,0	5,0	6,5
27	023103063	Trần Lê Thảo Vy	06-08-2005	Nữ	CQ	Công nghệ Thực phẩm	DHCNTP23B	3,5	5,5	4,5	4,0	4,5
28	023103070	Nguyễn Thị Hương Vân	18-03-2005	Nữ	CQ	Công nghệ Thực phẩm	DHCNTP23B	3,0	8,0	6,5	5,0	5,5
29	023103071	Lê Hồng Diễm	05-01-2005	Nữ	CQ	Công nghệ Thực phẩm	DHCNTP23B	7,0	5,5	1,0	3,0	4,0
30	023103072	Nguyễn Thị Cẩm Tú	25-08-2005	Nữ	CQ	Công nghệ Thực phẩm	DHCNTP23B	3,0	7,5	4,0	1,5	4,0
31	023103073	Phan Ngọc Tuyết Ngân	23-11-2005	Nữ	CQ	Công nghệ Thực phẩm	DHCNTP23B	5,5	7,5	4,0	8,0	6,5
32	023103076	Trịnh Thái Kim Tuyền	20-07-2005	Nữ	CQ	Công nghệ Thực phẩm	DHCNTP23B	7,5	7,5	10,0	4,0	7,5
33	023103077	Thái Ngọc Cẩm Nhung	21-05-2005	Nữ	CQ	Công nghệ Thực phẩm	DHCNTP23B	8,0	7,5	7,5	6,5	7,5
34	024103001	Đặng Lê Khánh Vy	24-05-2006	Nữ	CQ	Công nghệ Thực phẩm	DHCNTP24A	7,0	9,0	9,0	6,5	8,0

Stt	MSSV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	HT ĐT	Ngành đào tạo	Mã lớp	Điểm kiểm tra (Thang điểm 10)				Điểm TBC 4 kỹ năng
								Nghe hiểu	Đọc hiểu	Viết	Nói	
35	024103011	Phan Nguyễn Thúy Vy	14-11-2004	Nữ	CQ	Công nghệ Thực phẩm	DHCNTP24A	7,5	9,5	8,5	9,0	8,5
36	024103012	Phan Nguyễn Tường Vy	21-09-2006	Nữ	CQ	Công nghệ Thực phẩm	DHCNTP24A	6,5	9,5	9,0	8,0	8,5
37	024103013	Đông Huỳnh Hải Hân	10-06-2006	Nữ	CQ	Công nghệ Thực phẩm	DHCNTP24A	9,0	9,5	9,5	5,5	8,5
38	024103014	Trần Thị Thiên Hương	11-03-2006	Nữ	CQ	Công nghệ Thực phẩm	DHCNTP24A	9,0	8,5	3,5	5,5	6,5
39	024103022	Huỳnh Bảo Ngân	01-01-2006	Nữ	CQ	Công nghệ Thực phẩm	DHCNTP24A	9,0	9,5	5,0	5,0	7,0
40	024103027	Nguyễn Thị Thùy Trang Em	18-09-2006	Nữ	CQ	Công nghệ Thực phẩm	DHCNTP24A	7,0	10,0	8,5	7,0	8,0
41	024103038	Đinh Lê Huyền Thư	11-06-2006	Nữ	CQ	Công nghệ Thực phẩm	DHCNTP24A	7,0	8,0	9,5	6,0	7,5
42	024103046	Nguyễn Thị Thuỳ Trang	27-07-2005	Nữ	CQ	Công nghệ Thực phẩm	DHCNTP24B	6,5	7,5	3,0	5,5	5,5
43	024103054	Võ Thị Mỹ Duyên	24-05-2006	Nữ	CQ	Công nghệ Thực phẩm	DHCNTP24B	6,5	7,5	3,5	5,0	5,5
44	024103059	Trương Ngọc Cẩm Tiên	12-11-2006	Nữ	CQ	Công nghệ Thực phẩm	DHCNTP24B	6,0	7,5	4,0	5,0	5,5
45	024103067	Nguyễn Thị Diễm My	30-08-2006	Nữ	CQ	Công nghệ Thực phẩm	DHCNTP24B	4,5	5,5	1,0	6,5	4,5
46	023153003	Nguyễn Ngọc Bảo Minh	14-01-2005	Nam	CQ	Chăn nuôi	DHCN23	9,5	9,5	9,0	5,0	8,5
47	023153004	Nguyễn Chí Trung	02-01-2005	Nam	CQ	Chăn nuôi	DHCN23	9,0	9,5	7,5	4,5	7,5
48	023153006	Nguyễn Hải Quân	02-04-2005	Nam	CQ	Chăn nuôi	DHCN23	9,5	8,5	5,0	3,0	6,5
49	023153008	Nguyễn Minh Tiến	20-01-2004	Nam	CQ	Chăn nuôi	DHCN23	9,0	8,5	6,0	1,0	6,0
50	023153009	Nguyễn Thị Thanh Thảo	27-06-2005	Nữ	CQ	Chăn nuôi	DHCN23	9,5	8,5	6,0	0,5	6,0
51	023124004	Võ Quốc Huy	05-11-2005	Nam	CQ	Nuôi trồng thủy sản	DHNTTS23	7,5	6,0	3,5	5,0	5,5
52	023124005	Mai Lin Trân	25-08-2005	Nữ	CQ	Nuôi trồng thủy sản	DHNTTS23	5,5	5,0	8,5	0,5	5,0
53	023124006	Lê Thị Yến Thanh	19-02-2005	Nữ	CQ	Nuôi trồng thủy sản	DHNTTS23	7,5	7,5	9,5	2,0	6,5

Stt	MSSV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	HT ĐT	Ngành đào tạo	Mã lớp	Điểm kiểm tra (Thang điểm 10)				Điểm TBC 4 kỹ năng
								Nghe hiểu	Đọc hiểu	Viết	Nói	
54	023124008	Lê Võ Minh Trai	07-07-2005	Nam	CQ	Nuôi trồng thủy sản	DHNTTS23	7,5	7,0	7,5	3,5	6,5
55	023124009	Bùi Thị Quỳnh Thơ	09-05-2005	Nữ	CQ	Nuôi trồng thủy sản	DHNTTS23	8,0	7,5	9,0	4,0	7,0
56	023124010	Huỳnh Thị Bích Ngân	14-08-2005	Nữ	CQ	Nuôi trồng thủy sản	DHNTTS23	7,5	6,5	9,0	3,0	6,5
57	023124011	Huỳnh Thị Cẩm Tiên	02-01-1994	Nữ	CQ	Nuôi trồng thủy sản	DHNTTS23	7,0	8,0	9,0	7,5	8,0
58	023124013	Phạm Ngọc Nhân	10-02-2001	Nam	CQ	Nuôi trồng thủy sản	DHNTTS23	7,5	8,0	9,0	3,0	7,0
59	023124014	Lê Ngọc Thắm	31-12-2005	Nữ	CQ	Nuôi trồng thủy sản	DHNTTS23	8,5	8,0	8,0	5,0	7,5
60	024124003	Đặng Hoàng Bảo	13-04-2006	Nam	CQ	Nuôi trồng thủy sản	DHNTTS24	9,0	9,0	7,5	9,0	8,5

IV. KHOA SƯ PHẠM VÀ KHOA HỌC CƠ BẢN (08 sinh viên)

1	023151002	Huỳnh Thị Thanh Nhi	25-05-2005	Nữ	CQ	Văn hóa học	DHVHH23	7,0	9,5	3,0	3,5	6,0
2	023151005	Đỗ Hoàng Kim Ngân	07-11-2005	Nữ	CQ	Văn hóa học	DHVHH23	6,5	9,5	3,5	2,0	5,5
3	023151006	Nguyễn Thị Tuyết Ngân	15-10-2005	Nữ	CQ	Văn hóa học	DHVHH23	8,0	9,5	7,5	3,5	7,0
4	023151007	Trần Lê Như Huỳnh	23-09-2005	Nữ	CQ	Văn hóa học	DHVHH23	8,5	10,0	8,5	3,5	7,5
5	023151011	Ngô Thành Lộc	24-11-2004	Nam	CQ	Văn hóa học	DHVHH23	8,0	10,0	6,0	1,5	6,5
6	023151013	Văn Hoàng Phúc	19-09-2004	Nam	CQ	Văn hóa học	DHVHH23	8,5	8,5	6,0	2,0	6,5
7	023151020	Phạm Thúy Vy	23-08-2005	Nữ	CQ	Văn hóa học	DHVHH23	5,0	9,5	8,0	2,0	6,0
8	023151023	Phạm Lê Huỳnh Như	21-12-2005	Nữ	CQ	Văn hóa học	DHVHH23	7,0	9,5	6,5	5,5	7,0

Danh sách có 435 sinh viên./.